

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2022/HNGĐ-PT.**

Ngày 21-6-2022.

V/v: “*Chia tài sản chung sau
khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Hà

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 29/4 và ngày 21/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ L số 01/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14/01/2022 về việc: “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2021/HNGĐ-ST ngày 05/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh B bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2022/QĐ-PT ngày 01/3/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2022/QĐ-PT ngày 29/4/2022, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 199/2022/TB-TA ngày 26/5/2022 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (có mặt)

Nơi cư trú: làng Đồng, xã Ngọc L, huyện Tân Yên, tỉnh B.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Lê Thị Ngọc L - Luật sư Văn phòng Luật sư Lê L và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

* ***Bị đơn:*** Ông Thân Văn H, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: làng Đồng, xã Ngọc L, huyện Tân Yên, tỉnh B.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cụ Lương Thị C, sinh năm 1930 (vắng mặt)

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Đều cư trú: làng Đồng, xã Ngọc L, huyện Tân Yên, tỉnh B;

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

- Chị Thân Thị H, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn Tân Lập, xã Ngọc L, huyện Tân Yên, tỉnh B.

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1979 (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn H Phúc, xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh B.

- UBND huyện Tân Yên, tỉnh B

Do ông Đỗ Văn Thá - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Yên, tỉnh B đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 6345/QĐ-UBND ngày 26/12/2019) (vắng mặt)

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Lương Thị C:

- Bà Nguyễn Thị Hòa - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp L Nhà nước tỉnh B (có mặt)

Ngoài ra trong vụ án còn 1 số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác, không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập

*** Người kháng cáo:** bị đơn bà Nguyễn Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Thân Văn H kết hôn năm 1990. Năm 2018 bà và ông H được Tòa án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 112/2018/QĐST- HNGĐ ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên. Về tài sản chưa giải quyết. Nay bà làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết phân chia tài sản của bà và ông H có trong thời kỳ hôn nhân gồm có:

Đất thừa số 888, tờ bản đồ số 13, diện tích 380m² (trong đó đất ở 300 m² và 80m² đất vườn) được UBND huyện Tân Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy số 453/QSĐĐ/09/QĐ-UB ngày 20/5/2003 địa chỉ: xã Ngọc L, huyện Tân Yên, tỉnh B mang tên hộ ông Thân Văn H (gọi tắt là thửa số 888)

Thửa đất số 887, tờ bản đồ số 13, diện tích 380 m² đất lâu dài được UBND huyện Tân Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00122/QSDD/QDD475 ngày 12/12/1998 địa chỉ: xã Ngọc L, huyện Tân Yên, tỉnh B mang tên hộ ông Thân Văn Dũng (gọi tắt là thửa số 887)

Các tài sản trên đất thửa số 888 gồm có: 4 gian nhà cấp 4 lợp ngói; 05 gian công trình phụ; 02 gian bếp lợp Proxi măng. Ngoài ra còn có 01 xe máy Airblade; 1 xe máy was a, 01 bộ bàn ghế, 01 ti vi, 01 âm ly, loa đài, 01 kệ ti vi, 01 máy giặt; 02 máy trộn vữa; 100 cây chống cốt pha; tường rào bao quanh diện tích đất. Tổng giá trị tài sản là 236.000.000 đồng.

Hiện bà đang quản L sử dụng diện tích đất có 4 gian nhà cấp 4 lợp ngói; 02 gian bếp lợp Proxi măng; 1 xe máy was a; 01 bộ bàn ghế. Các tài sản còn lại do ông H quản L sử dụng gồm: diện tích đất có 05 gian công trình phụ; 01 xe máy Airblade; 01 ti vi, 01 âm ly, loa đài, 01 kệ ti vi, 01 máy giặt ; 02 máy trộn vữa; 100 cây chống cốt pha. Bà yêu cầu Tòa án xem xét chia đôi cho bà và ông H

Đối với thửa đất số 887 bà xác định năm 1995 theo chủ trương chung của địa phương các gia đình nếu có nhu cầu về đất ở để tách hộ cho con ra ở riêng thì địa phương sẽ cấp đất và phải nộp tiền. Khi đó vợ cH ông Dũng, bà H đang ở với vợ cH cụ C nên đủ điều kiện được mua đất, cụ C là người làm đơn xin mua đất. Tuy nhiên do cụ C, ông Dũng, bà H không có tiền để nộp nên ông H và bà đã nộp tiền để mua tiêu chuẩn cấp đất cho vợ cH ông Dũng, bà H. Tiền ông H đi nộp là tài sản chung của bà và ông H, khi UBND xã Ngọc L giao đất thì ông H là người trực tiếp đi nhận đất. Sau khi nhận đất bà và ông H là người sử dụng liên tục, trồng cây H màu, trồng chuối...trên đất mà vợ cH cụ C, ông Dũng, bà H không ai có ý kiến gì. Đến năm 1998 có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H là người trực tiếp ký vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ghi ngày 11/9/1998 nhưng lấy tên chủ sử dụng đất là Thân Văn Dũng để cho phù hợp với đơn đề nghị tách hộ của cụ C. Kể từ khi nhận đất bà và ông H là người thực hiện các nghĩa vụ của chủ sử dụng đất đối với diện tích đất này liên tục cho đến nay. Bà xác định diện tích đất này là tài sản chung của bà và ông H.

Bà H yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 887 đã cấp cho ông Thân Văn Dũng để chia cho bà và ông H

Về công nợ: bà và ông H không nợ ai, không vay vàng của ông Thu, ông Ngân, bà không đồng ý trả cho ông Thu, ông Ngân.

Đối với việc ông Hải, ông Khanh, ông Sắc yêu cầu bà và ông H phải trả số tiền thợ xây, bà xác định không nợ và không đồng ý với yêu cầu của những người trên.

Về ruộng canh tác: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai tiếp theo bị đơn là ông Thân Văn H trình bày:

Về điều kiện kết hôn, ly hôn ông nhất trí phần trình bày của bà H, về phần tài sản chung của vợ chồng chưa giải quyết.

Ông xác định ông và bà H có tài sản chung là thửa đất số 888 mang tên hộ ông Thân Văn H và tài sản gắn liền trên đất và các tài sản như bà H trình bày là đúng

Ông đồng ý chia theo hiện trạng ông và bà H đã thỏa thuận chia và đang sử dụng. Các công trình thuộc phần đất và tài sản ai đang quản lý thì người đó tiếp tục sử dụng. Nhà đất trên là tài sản chung của ông và bà H, các con ông không đóng góp gì vào việc xây dựng, tu tạo khối tài sản chung của gia đình.

Đối với tài sản bà H yêu cầu chia là thửa đất gồm có thửa số 887 mang tên ông Thân Văn Dũng không phải của ông và bà H mà của em trai ông Thân Văn Dũng. Ông Dũng được mua theo tiêu chuẩn. Bố mẹ ông là người bỏ tiền ra mua định suất của ông Dũng và là người nộp tiền cho UBND xã Ngọc L. Ông có ký thay ông Dũng vào các văn bản, giấy tờ về việc mua đất và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1998 khi cấp đất, ông Dũng thường xuyên uống rượu say nên bố mẹ ông phải đứng ra làm thủ tục mua đất cho ông Dũng. Khi đó ông Dũng có vợ là bà Phạm Thị H nhưng do ông Dũng thường xuyên say rượu nên bà H và con gái là Thân Thị H đã bỏ về nhà bố mẹ để ở thôn Tân Lập, xã Ngọc L khoảng năm 1996. Ông Dũng mất năm 2008. Bức tường quanh diện tích đất của nhà ông Dũng là của mẹ ông. Tài sản trên đất là cây cối của mẹ ông.

Bà H yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 887 mang tên ông Thân Văn Dũng và yêu cầu chia đất ông không đồng ý.

Về công nợ: ông và bà H chung sống với nhau còn nợ của ông Thân Văn Thu và ông Thân Văn Ngân mỗi người 5 chỉ vàng, ông đề nghị chia đôi số nợ trên.

Đối với công trình trên đất và cây cối lâm lộc trên diện tích đất của ông Dũng do mẹ ông là cụ C và ông Dũng trồng, tường rào trên đất của ông Dũng là do mẹ ông bỏ tiền ra mua nguyên vật liệu xây dựng. Ông H xác định không phải là tài sản chung của ông và bà H, ông không đồng ý chia các tài sản trên.

Còn một số tài sản khác ông và bà H tự thỏa thuận, ông không yêu cầu giải quyết.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện Tân Yên do ông Đỗ Văn Thá đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đối với thửa đất số 887 mang tên hộ ông Thân Văn Dũng được Sở nông nghiệp Hà Bắc cho phép chuyển mục đích sang dân cư khoảng năm 1992. Năm 1995 cụ Thân Văn Cận là bố đẻ của ông Thân Văn Dũng có đơn xin cấp đất ở cho ông Thân Văn Dũng và năm 1998 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Thân Văn Dũng. Đối với diện tích đất thửa số 888, cấp cho hộ ông Thân Văn H ngày 20/5/2003 có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Tạ Văn Bình và bà Nguyễn Thị Hà ở làng Đồng vào năm 2002. Việc cấp cho 02 hộ ông Dũng và ông H đảm bảo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã Ngọc L, huyện Tân Yên do bà Nguyễn Thị Loan đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về nguồn gốc diện tích đất ông H, bà H đang quản lý sử dụng là nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông Bình, bà Hà. Nguồn gốc diện tích thửa đất số 887 được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ông Thân Văn Dũng là do UBND xã Ngọc L giao đất giãn dân cho các hộ trong thôn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cụ Lương Thị C trình bày: diện tích đất thửa số 887 là của ông Thân Văn Dũng không phải là của vợ chồng ông H, bà H. Cụ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H là hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Dũng năm 1998 và không đồng ý yêu cầu chia diện tích đất nêu trên.

Bà Nguyễn Thị X trình bày: Năm 2002 bà có kết hôn với ông Thân Văn Dũng được khoảng 5 tháng do ông Dũng thường xuyên rượu nên bà đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Bà xác định diện tích đất thửa số 887 không phải là tài sản chung của bà và ông Dũng.

Anh Nguyễn Văn H trình bày: anh là con trai của ông Thân Văn Dũng, diện tích đất thửa số 887 được UBND huyện Tân Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của ông Thân Văn Dũng. Anh không yêu cầu yêu cầu gì trong vụ án này

Bà Phạm Thị H trình bày: năm 1993 bà kết hôn với ông Dũng, năm 1999 bà ly hôn với ông Dũng. Diện tích đất thửa số 887 không phải là tài sản chung của bà với ông Dũng.

Chị Thân Thị H trình bày: Chị là con ông Dũng. diện tích đất thửa số 887 là của ông Thân Văn Dũng. Chị không yêu cầu yêu cầu gì trong vụ án này

Bà Lê Thị N trình bày: năm 2019 bà kết hôn với ông Thân Văn H, cuối tháng 9 năm 2019 bà và ông H có đào móng làm nhà trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Thân Văn H. Hiện nay tài

sản trên đất là tài sản của bà và ông H còn diện tích đất bà và ông H đã làm công trình là của ông H và bà H trong thời kỳ hôn nhân.

Ông Bùi Quốc Hải, ông Đỗ Văn Khanh, ông Nguyễn Văn Sắc trình bày: các ông làm thợ xây cho ông H vì ông H là cai xây dựng. Đến cuối năm 2018 dương lịch ông Sắc, ông Khanh, ông Hải và ông H chót nợ thì ông H còn nợ ông Khanh số tiền công xây là 20.000.000 đồng, nợ ông Hải 20.000.000 đồng, nợ ông Sắc 15.000.000 đồng. Các ông xác định số tiền ông H nợ các ông là nợ chung của ông H và bà H và yêu cầu trả nợ

Bà Nguyễn Thị Hoàn trình bày: bà là chị dâu của ông Thân Văn H, bà có cho ông H vay 5 chỉ vàng để làm nhà, bà yêu cầu ông H phải trả 5 chỉ vàng. Bà không yêu cầu bà H phải trả

Ông Thân Văn Thu trình bày: ông là anh trai của ông Thân Văn H, ông có cho ông H vay 5 chỉ vàng để làm nhà, ông yêu cầu ông H phải trả 5 chỉ vàng. Ông không yêu cầu bà H phải trả

* Với nội dung nêu trên, bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2021/HNGĐ-ST ngày 05/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 100; khoản 1 Điều 166 Luật Đất đai; Khoản 1, 2, 3 Điều 59; khoản 2 Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích 190m² trong đó đất ở là 150m² x 1.100.000 đồng/m² là 165.000.000 đồng; Đất vườn 40m² x 300.000 đồng/m² là 12.000.000 đồng và tạm giao cho bà H sử dụng 26,9 m² đất dôi dư, tứ cận thửa đất như sau: phía Bắc giáp phần đất hộ ông H lấy bức tường gạch do ông H xây năm 2019 làm ranh giới là cạnh CD là 19,00m; phía Nam giáp đường thôn là cạnh BA là 19,27m; phía Tây giáp đất hộ ông Dũng cạnh AD là 11,14m; phía Đông giáp đường thôn cạnh BC là 11,49m (có sơ đồ kèm theo). Bà H được sở hữu, sử dụng tài sản trên diện tích đất gồm có: nhà ở cấp 4 là 73.750.000 đồng; 02 gian nhà ngang (nhà cấp 4) là 19.731.000 đồng; nhà vệ sinh và nhà tắm là 4.445.000 đồng; nhà bếp là 8.970.000 đồng; mái Proximăng là 2.450.000 đồng; sân gạch là 8.880.000 đồng; tường gạch là 570.000 đồng; tường rào phía sau nhà ở cấp 4 trên diện tích đất được giao 19,27m là 1.212.900

đồng đồng và 01 bộ bàn ghế gỗ là 2.500.000 đồng; 01 xe máy Wave là 5.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bà H được hưởng là 304.508.900 đồng.

Giao cho ông H được quyền sử dụng diện tích 190m² trong đó đất ở là 150 m² x 1.100.000 đồng/m² là 165.000.000 đồng; Đất vườn là 40m² x 300.000 đồng/m² là 12.000.000 đồng và tạm giao cho ông H sử dụng 2,9m² đất dôi dư, tứ cận thửa đất như sau: phía Bắc giáp đường đi vào đất nhà ông Dũng cạnh FE là 19,5m; phía Nam giáp đất bà H đang sử dụng lấy bức tường gạch do ông H xây năm 2019 làm ranh giới cạnh CD là 19,00m; phía Tây giáp đất hộ ông Dũng cạnh DE là 10,01m; phía Đông giáp đường thôn cạnh CF là 10,09 m (có sơ đồ kèm theo). Ông H được sở hữu, sử dụng tài sản gồm có: 01 xe máy Airblade là 20.000.000 đồng; 01 ti vi, âm li, loa đài là 6.000.000 đồng; 100 cây trồng cốt pha là 1.000.000 đồng; 01 kệ ti vi là 700.000 đồng; 01 máy giặt là 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản ông H được hưởng là 209.780.000 đồng.

2. Bác yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 380m² tại thửa số 887, tờ bản đồ 13, địa chỉ thửa đất ở thôn làng Đồng, xã Ngọc L, huyện Tân Yên, tỉnh B mang tên ông Thân Văn Dũng và yêu cầu chia diện tích đất nêu trên của bà Nguyễn Thị H.

- Bác yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của bà H đối với cây cối lâm lộc trên diện tích đất của ông Thân Văn Dũng gồm có: 4 cây vải = 11.964.000 đồng; 01 cây xoài = 1.118.000 đồng; 01 cây xoan = 1.000.000 đồng; 01 cây xoài = 608.000 đồng; 01 cây ổi = 251.000 đồng và đoạn tường rào trên diện tích đất của ông Thân Văn Dũng trị giá = 1.134.000 đồng.

3. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Xác nhận ông Thân Văn H có nợ bà Nguyễn Thị Hoàn 5 chỉ vàng; nợ ông Thân Văn Thu 5 chỉ vàng; nợ ông Đỗ Văn Khanh 20.000.000 đồng; nợ ông Bùi Quốc Hải 20.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Văn Sắc 15.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về, nghĩa vụ chung về tài sản, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá, lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 20/10/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm: Không đồng ý chia tài sản chung như cấp sơ thẩm giải quyết. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 12/02/1998 mang tên ông Thân Văn Dũng, đề nghị xác định 02 thửa đất là của bà và ông H để phân chia theo quy định. Tại phiên tòa bà H bổ sung kháng cáo bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia tài chung là đất và tài sản gắn liền trên hai thửa đất cho các con của bà với L do, các con của bà có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của bà và ông H

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H và bà H trình bày tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án bà H có đề nghị chia đất và tài sản gắn liền trên đất cho các con ông bà nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng cứ, chưa giải quyết, chưa đưa các con của bà H vào tham gia tố tụng là đưa thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đối với tài sản trên đất thửa số 887 mang tên ông Thân Văn Dũng. Bà H có yêu cầu chia đất và tài sản gắn liền trên đất. Hộ ông Dũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/12/1998, ông Dũng chết năm 2008 Kể từ khi được giao đất ông Dũng không sử dụng mà do ông H, bà H phát triển tài sản trên đất, cùng tăng gia sản xuất nhưng xem xét không chấp nhận là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H và các con của bà H

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tòa án nhân dân cấp huyện giải quyết là trái thẩm quyền. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không xem xét yêu cầu giải quyết về tài sản trên đất là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H.

Ông H trình bày:

Diện tích đất thửa số 887 bà H đề nghị chia không phải của ông với bà H là của ông Dũng, không đồng ý chia tài sản cho các con. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trợ giúp viên pháp L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cụ Lương Thị C trình bày: Cụ C không đồng ý với yêu cầu của bà H, không đồng ý với yêu cầu chia đất và tài sản gắn liền trên đất cho các con của bà H ông H. Thửa đất số 887 là của ông Thân Văn Dũng, không liên quan gì đến tài sản của các con cụ C.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ L vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Tòa án nhân dân huyện Tân yên giải quyết không chấp nhận yêu cầu hủy quyết định cá biệt là trái thẩm quyền, vi phạm điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự

Bà H yêu cầu chia đất và tài sản gắn liền cho bà H và chia cho các con của bà nhưng tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con của ông bà vào tham gia tố tụng là thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử: Hủy bản án sơ thẩm số 55/2021/HNGĐ-ST ngày 05/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh B. Giao cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

- Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có L do. HĐXX thấy sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là: “Chia tài sản khi ly hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là không chính xác. Đây là vụ án “chia tài sản chung sau khi ly hôn” còn đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án cấp huyện do vậy Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp cho đúng yêu cầu của đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị H HĐXX thấy:

Bà H yêu cầu chia thừa đất số 888 tờ bản đồ số 13, diện tích 380m² địa chỉ: thôn làng, xã Ngọc L, huyện Tân Yên, tỉnh B. Được UBND huyện Tân Yên, tỉnh B vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 453/QSĐĐ/09/QĐ-UB ngày 20/5/2003 mang tên hộ ông Thân Văn H (gọi tắt là thửa đất số 888). Bà H ông H đều xác định nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng mà có. Năm 2003 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình, sau khi cấp đất các con của ông bà đều sinh sống cùng ông bà. Bà H xác định các con bà có công sức đóng góp trồng nom, duy trì, tân tạo, bảo quản đến khi các con chung của ông bà là chị Thân Thị Dung sinh năm 1992 và chị Thân Thị Hà sinh năm 1996 trưởng thành và lập gia đình, còn chị Thân Thị Hương sinh năm 2004 còn nhỏ chưa có công sức gì.

Quá trình giải quyết sơ thẩm vụ án bà H có trình bày về việc tài sản chung có liên quan đến các con của ông bà (BL 175) và có đề nghị chia tài sản cho các con chung của ông bà. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị chia tài sản cho các con chung của ông bà và chị Thân Thị Dung, chị Thân Thị Hương có đơn đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản cho các chị. Tòa án cấp sơ thẩm không hỏi ý kiến các con chung và không đưa các con chung của ông H, bà H vào tham gia tố tụng để giải quyết trong vụ án là thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng.

Bà H yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 887 Hội đồng XX thấy: Trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm C giải thích cho các đương sự hiểu về thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Trường hợp đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu thì Tòa án nhân dân cấp huyện phải nhận định rõ trong bản án mà không thụ L, không giải quyết yêu cầu trên. Theo quy định tại Điều 34; Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 Luật tố tụng hành chính. Tòa án huyện Tân Yên đã giải quyết trái thẩm quyền C huỷ yêu cầu này trong vụ án để xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Đối với yêu cầu chia tài sản là thửa đất số 887, tờ bản đồ số 13, diện tích 380 m² đất lâu dài được UBND huyện Tân Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00122/QSĐĐ/QDD475 ngày 12/12/1998 địa chỉ: xã Ngọc L, huyện Tân Yên, tỉnh B mang tên hộ ông Thân Văn Dũng (gọi tắt là thửa số 887). Thực tế ông bà có sử dụng toàn bộ thửa đất trên. Năm 2008 ông Dũng chết. Trên thửa đất cấp cho ông Dũng có công trình xây dựng và cây trồng trên đất do gia đình ông H, bà H và các con ông bà quản L nhưng cấp sơ thẩm không xem xét công sức của các con ông bà là ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Về công nợ: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hoàn, ông Thân Văn Thu, ông Đỗ Văn Khanh, ông Bùi Quốc Hải, ông Nguyễn Văn Sắc có yêu cầu Tòa án giải quyết về số nợ trên (BL 190, 191, 192, 193, 194) nhưng cấp sơ thẩm chưa cho nộp tiền tạm ứng án phí, không thụ L yêu cầu mà vẫn giải quyết xác nhận ông Thân Văn H có nợ bà Nguyễn Thị Hoàn 5 chỉ vàng; nợ ông Thân Văn Thu 5 chỉ vàng; nợ ông Đỗ Văn Khanh 20.000.000đồng; nợ ông Bùi Quốc Hải 20.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Văn Sắc 15.000.000 đồng. Như vậy là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử thấy: Những vi phạm thủ tục tố tụng đưa thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nội dung chưa đảm bảo quyền lợi cho đương sự là vi phạm nghiêm trọng, dẫn đến việc xét xử ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự trong vụ án. Do vậy cấp phúc thẩm không thể

khắc phục, bổ sung được, C chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 3, Điều 308; Điều 310- BLTTDS năm 2015, hủy bản án sơ thẩm, giao cho Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm

[3]. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Được xem xét quyết định khi giải quyết lại vụ án

Án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại nên bà H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả bà H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 308; Điều 310 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Hủy bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2021/HNGĐ-ST ngày 05/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh B về “Chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn” giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị H sinh năm 1972

Nơi cư trú: làng Đồng, xã Ngọc L, huyện Tân Yên, tỉnh B.

* **Bị đơn:** Ông Thân Văn H, sinh năm 1971

Nơi cư trú: làng Đồng, xã Ngọc L, huyện Tân Yên, tỉnh B.

Và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh B giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Được xem xét quyết định khi giải quyết lại vụ án

Án phí phúc thẩm: Bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị H 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0011296 ngày 20/10/2022 của Chi cục THADS huyện Tân Yên, tỉnh B,

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;

- VKSND tỉnh B;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự,
- Công thông tin điện tử ;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

Hoàng Thị Hải Hường

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /QĐ-SCBSBA

B, ngày 24 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

- Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Xét C sửa chữa, bổ sung bản án do nhầm lẫn trong việc rà soát đánh máy trong bản án số: 19/2022/HNGĐ-PT ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã xét xử phúc thẩm vụ án HNGĐ về V/v: “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972

Nơi cư trú: làng Đồng, xã Ngọc L, huyện Tân Yên, tỉnh B.

* **Bị đơn:** Ông Thân Văn H, sinh năm 1971
Nơi cư trú: làng Đồng, xã Ngọc L, huyện Tân Yên, tỉnh B.
Và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số: 19/2022/HNGĐ-PT ngày 21/6/2022 của
Toà án nhân dân tỉnh B như sau:

- Hết dòng thứ 13 từ trên xuống, trang 02 của bản án ghi bổ sung thêm như
sau:

- Ông Thân Văn Thu, sinh năm 1959 (vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị Hoàn, sinh năm 1968 (vắng mặt)
- Ông Đỗ Văn Khanh, sinh năm 1971 (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Văn Sắc, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Đều cư trú: làng Đồng, xã Ngọc L, huyện Tân Yên, tỉnh B;

- Ông Bùi Quốc Hải, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đồng Lim, xã Ngọc L, huyện Tân Yên, tỉnh B;

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh B;
- TAND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hải Hường

